



# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SAO MAI TỈNH AN GIANG**

*Báo cáo Tài chính hợp nhất  
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008  
đã được kiểm toán*

Được kiểm toán bởi

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

## **MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03 - 03
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	04 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09 - 09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 28

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Sao Mai Tỉnh An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

### **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SAO MAI TỈNH AN GIANG**

Công ty cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai Tỉnh An Giang được thành lập theo Giấy phép số 000450/GP/TLDN-03 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 02 năm 1997; Giấy phép kinh doanh số 064828 ngày 05 tháng 03 năm 1997; các Giấy phép kinh doanh bổ sung 064828 ngày 15 tháng 02 năm 2001, 064828 ngày 01 tháng 06 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000036 ngày 28 tháng 11 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư An Giang cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 326 Hùng Vương, Phường Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang

Vốn điều lệ của Công ty là: 49.563.000.000 VND (Bốn mươi chín tỉ năm trăm sáu mươi ba triệu đồng).

### **Công ty có các đơn vị thành viên sau:**

<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>
Các đơn vị thành viên	
Xí nghiệp đầu tư và xây dựng Tháp Mười	92B Quốc Lộ 30 – Phường 11 – Thành Phố Cao Lãnh
Xí nghiệp đầu tư và xây dựng Miền Đông	Phước Hoà – Tân Thành – Bà Rịa – Vũng Tàu
Xí nghiệp đầu tư và xây dựng Đồng Khởi	165D2 An Thuận A - Mỹ Thạnh An, Thị xã Bến Tre
Chi nhánh tại Đăk Lăk	Trung tâm thương mại Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Lăk
Chi nhánh tại Tp. HCM	Số 9 Nguyễn Kim , phường 12 - Quận 5 - TP Hồ Chí Minh
Chi nhánh tại Hòa Bình	10/b1 tổ 2A, P.Tân Thịnh, Tp.Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình.
Công ty liên kết	
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia (I.D.I)	Số 09 Nguyễn Kim, Phường 12, Quận 5 - TP.HCM
Công ty con	
Công ty CP ĐT Du Lịch và PT Thủy Sản	Xã An Hảo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang
Công ty TNHH Dững Thịnh Phát	Số 09 Nguyễn Kim, Phường 12, Quận 5 - TP.HCM

### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 22.278.892.425 VND (Năm 2007 lợi nhuận sau thuế là 42.343.446.796 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 là 46.702.665.388 VND (Năm 2007 lợi nhuận chưa phân phối là 55.727.501.112 VND).

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông : Lê Thanh Thuận	Chủ tịch
Ông : Nguyễn Văn Hưng	Phó Chủ tịch
Ông : Võ Quốc Chánh	Phó Chủ tịch
Ông : Lê Văn Chung	Thành viên
Ông : Lê Xuân Quế	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông : Lê Thanh Thuận	Tổng Giám đốc
Ông : Nguyễn Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Lê Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Lê Xuân Quế	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông : Lê Duy Tâm	Trưởng ban kiểm soát
Bà : Lê Thị Tinh	Ủy viên kiểm soát
Ông : Lê Thanh Hành	Ủy viên kiểm soát

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán áp dụng, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Sao Mai Tỉnh An Giang phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008. Các Báo cáo tài chính hợp nhất này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Long Xuyên, ngày 15 tháng 09 năm 2009

Thay mặt Hội đồng quản trị



Lê Thanh Thuận

Số : 610 /BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2008 của Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Sao Mai  
Tỉnh An Giang

Kính gửi: - Hội đồng Quản trị

- Ban Giám đốc và các cổ đông Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Sao Mai Tỉnh An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Sao Mai Tỉnh An Giang ("Công ty") và các công ty con ("nhóm Công ty") được lập ngày 15 tháng 09 năm 2009 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được trình bày từ trang 05 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Sao Mai Tỉnh An Giang và các công ty con ("nhóm Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2009

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

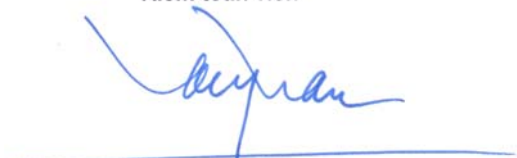
Tổng Giám đốc



ĐỖ KHÁC THANH

Chứng chỉ KTV số: Đ0064/KTV

Kiểm toán viên



Lê Văn Tuấn

Chứng chỉ KTV số: 0479 /KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A . TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>548.968.460.419</b>	<b>480.792.074.731</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	30.456.966.239	196.241.169.795
111	1. Tiền		30.456.966.239	172.641.169.795
112	2. Các khoản tương đương tiền			23.600.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
121	1. Đầu tư ngắn hạn			
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		206.086.851.824	92.546.610.110
131	1. Phải thu khách hàng		135.038.390.514	47.735.641.305
132	2. Trả trước cho người bán		52.717.749.661	32.598.174.496
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	dự phòng			
135	5. Các khoản phải thu khác	04	18.330.711.649	12.212.794.309
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
140	IV. Hàng tồn kho		273.383.445.998	119.718.235.443
141	1. Hàng tồn kho	05	273.383.445.998	119.718.235.443
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		39.041.196.358	72.286.059.383
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn			
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		15.592.166.744	1.031.870
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	06	813.673.616	
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		22.635.355.998	72.285.027.513
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>322.459.074.257</b>	<b>153.552.962.094</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		827.420.000	
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		827.420.000	
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ			
218	4. Phải thu dài hạn khác			
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>135.200.883.565</b>	<b>103.666.227.702</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	07	31.171.519.902	29.392.627.573
222	- Nguyên giá		32.526.534.542	30.559.431.515
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.355.014.640)	(1.166.803.942)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	08	16.137.036.813	54.075.625.419
228	- Nguyên giá		16.137.036.813	54.075.625.419
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	09	87.892.326.850	20.197.974.710
240	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	10	<b>55.587.208.162</b>	<b>20.220.061.514</b>
241	- Nguyên giá		62.632.714.479	25.349.714.479
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(7.045.506.317)	(5.129.652.965)
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>130.618.749.088</b>	<b>27.566.230.781</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	11	130.618.749.088	27.566.230.781
258	3. Đầu tư dài hạn khác			
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			
260	<b>V. Lợi thế thương mại</b>			
270	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>224.813.442</b>	<b>2.100.442.097</b>
271	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	224.813.442	2.100.442.097
272	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
278	3. Tài sản dài hạn khác			
280	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>871.427.534.676</b>	<b>634.345.036.825</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
300	<b>A . NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>601.121.857.579</b>	<b>387.479.780.058</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>419.072.137.579</b>	<b>216.861.857.658</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	124.623.500.000	
312	2. Phải trả người bán		112.045.403.234	14.474.123.466
313	3. Người mua trả tiền trước		58.368.665.577	87.223.096.440
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	64.597.432.994	30.522.650.039
315	5. Phải trả người lao động		656.815.500	166.730.500
316	6. Chi phí phải trả	15	5.606.545.225	30.987.768.953
317	7. Phải trả nội bộ			
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây			
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	16	53.173.775.049	53.487.488.260
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>182.049.720.000</b>	<b>170.617.922.400</b>
331	1. Phải trả dài hạn người bán			
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ			
333	3. Phải trả dài hạn khác		500.000.000	500.000.000
334	4. Vay và nợ dài hạn	17	181.549.720.000	170.117.922.400
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm			
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn			
400	<b>B . VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>270.305.677.097</b>	<b>246.865.256.767</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	18	<b>242.045.713.320</b>	<b>246.879.461.112</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		49.563.000.000	49.563.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		141.588.960.000	141.588.960.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu			
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)			
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		2.095.543.966	
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.095.543.966	
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		46.702.665.388	55.727.501.112
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản			
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>2.088.043.966</b>	
431	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.088.043.966	
432	2. Nguồn kinh phí			
433	3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
500	<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>26.171.919.811</b>	<b>(14.204.345)</b>
510	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>871.427.534.676</b>	<b>634.345.036.825</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- Dollar Mỹ (USD)		16.827,09	
- Euro (EUR)			
- Yên Nhật (JPY)			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Long Xuyên, ngày 15 tháng 09 năm 2009

Người lập biểu



Ngô Thị Tố Ngân

Kế toán trưởng



Lê Thị Phượng

Tổng Giám Đốc



Lê Thanh Thuận

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2008

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	280.646.972.107	203.324.306.441
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20		
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch	21	280.646.972.107	203.324.306.441
11	4. Giá vốn hàng bán	22	239.128.574.797	136.024.181.933
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		41.518.397.310	67.300.124.508
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	7.342.242.546	213.039.032
22	7. Chi phí tài chính	24	13.043.896.516	5.282.634.740
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		10.911.059.050	5.282.634.740
24	8. Chi phí bán hàng		11.356.781.644	
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		8.823.761.667	9.107.596.939
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		15.636.200.029	53.122.931.861
31	11. Thu nhập khác		371.646.619	131.534.048
32	12. Chi phí khác		303.187.276	21.314.972
40	13. Lợi nhuận khác		68.459.343	110.219.076
45	14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh		9.581.515.453	467.343.635
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		25.286.174.825	53.700.494.572
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	3.021.158.244	11.371.252.121
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		22.265.016.581	42.329.242.451
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		(13.875.844)	(14.204.345)
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ		22.278.892.425	42.343.446.796
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	26	4.495	12.724

Long Xuyên, ngày 15 tháng 09 năm 2009

Người lập biểu



Ngô Thị Tố Ngân

Kế toán trưởng



Lê Thị Phượng



Lê Thanh Thuận

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT***(Theo phương pháp gián tiếp)***Năm 2008**

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
01	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>25.286.174.825</b>	<b>53.700.494.572</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	1. Khấu hao tài sản cố định		2.586.382.374	2.385.440.692
03	2. Các khoản dự phòng			
04	3. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(2.340.739.124)	
05	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(5.209.405.080)	(213.039.032)
06	5. Chi phí lãi vay		10.911.059.050	5.282.634.740
	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>31.233.472.045</b>	<b>61.155.530.972</b>
08	<b>đổi vốn lưu động</b>			
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(129.382.528.343)	(57.343.297.544)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(153.665.210.555)	15.688.809.924
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		83.412.827.970	111.263.585.076
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.875.628.655	(2.003.100.000)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(37.069.720.248)	(12.307.337.118)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.596.497.658)	(6.635.897.949)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		476.666.044.073	362.951.177.169
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(415.620.444.799)	(479.017.018.093)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(152.146.428.860)</b>	<b>(6.247.547.563)</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(47.069.832.113)	(5.134.214.456)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		200.000.000	2.150.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			1.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(100.016.300.000)	(12.284.059.432)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.020.000.000	390.690.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.039.893.195	
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(126.826.238.918)</b>	<b>(14.876.583.888)</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		26.356.566.622	158.403.481.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2008

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		233.539.200.000	158.236.194.400
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(124.063.902.400)	(100.892.800.000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(22.643.400.000)	
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>113.188.464.222</b>	<b>215.746.875.400</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(165.784.203.556)</b>	<b>194.622.743.949</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>196.241.169.795</b>	1.618.425.846
61	<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>			
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>30.456.966.239</b>	<b>196.241.169.795</b>

Long Xuyên, ngày 15 tháng 09 năm 2009

Người lập biểu



Ngô Thị Tố Ngân

Kế toán trưởng



Lê Thị Phương

Tổng Giám Đốc



Lê Thanh Thuận

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2008

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP****1.1 Thông tin doanh nghiệp**

Công ty cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai Tỉnh An Giang được thành lập theo Giấy phép số 000450/GP/TLĐN-03 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 02 năm 1997; Giấy phép kinh doanh số 064828 ngày 05 tháng 03 năm 1997; các Giấy phép kinh doanh bổ sung 064828 ngày 15 tháng 02 năm 2001, 064828 ngày 01 tháng 06 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000036 ngày 28 tháng 11 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư An Giang cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 326 Hùng Vương, Phường Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang

Vốn điều lệ của Công ty là: 49.563.000.000 VND (Bốn mươi chín tỉ năm trăm sáu mươi ba triệu đồng).

Các công ty con, công ty liên kết được hợp nhất vào báo cáo tài chính:

Công ty liên kết	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia (I.D.I)	Số 09 Nguyễn Kim, Phường 12, Quận 5 - TP.HCM

Công ty con	Địa chỉ
Công ty CP ĐT Du Lịch và PT Thủy Sản	Xã An Hào, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang
Cty TNHH Dũng Thịnh Phát	Số 09 Nguyễn Kim, Phường 12, Quận 5 - TP.HCM

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh :**

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, đường ống cấp thoát nước, công trình thủy lợi, công trình ngầm dưới nước; Xây lắp điện nước; San lấp mặt bằng; Khai thác cát sỏi; Trang trí nội thất; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch; Kinh doanh và dịch vụ điện năng; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất bột matít; Kinh doanh phòng hát Karaoke, massage; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát; Lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, điều hòa trung tâm, thang máy, cầu thang, băng chuyền tự động, hệ thống bơm, ống nước, điều hòa không khí; Mua bán thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh (lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, nước lạnh), linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển; Nuôi trồng, chế biến thủy sản; ...

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY****2.1 Báo cáo tài chính hợp nhất***Công ty con*

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát bởi Công ty trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con. Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát được chuyển cho Công ty và được loại trừ khỏi việc hợp nhất khi quyền kiểm soát chấm dứt.

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai Tỉnh An Giang và báo cáo tài chính của các Công ty con ("nhóm Công ty") được hợp nhất như sau:

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2008

	Giá trị đầu tư ghi nhận tại	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	công ty mẹ	do công ty mẹ nắm giữ
	Năm 2008	Năm 2008
	VND	%
Công ty CP ĐT Du Lịch và PT Thủy Sản	228.087.622 VND	41,11%
Cty TNHH Dững Thịnh Phát	33.882.300.000 VND	66%

**Công ty liên kết**

Công ty liên kết là các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Phần sở hữu của Công ty đối với các khoản lãi hoặc lỗ của công ty liên kết sau khi đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.2 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng****Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán kế toán trên máy vi tính.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá 17.486 VND/USD do Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2008

***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và có điều chỉnh cuối kỳ kế toán

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

***Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):***

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 15 năm
- Máy móc, thiết bị	05 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

***Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư***

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

***Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính***

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá mua ban đầu trừ các khoản dự phòng thích hợp.

***Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay***

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2008

### **Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích lập các quỹ theo điều lệ Công Ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Năm 2008***Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của Hợp đồng.

***Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính***

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

***Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 28%. Riêng thu nhập từ khu dân cư Bình Khánh và khu dân cư Ấp Thị được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp; Thu nhập từ khu dân cư Phú Hoà được hưởng thuế suất 20%, giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp và miễn thuế thu nhập lũy tiến.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2008

Đơn vị tính: VND

### 3. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Tiền mặt</b>	<b>6.553.618.045</b>	<b>12.198.440.631</b>
Tiền mặt VND	6.553.618.045	12.198.440.631
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>23.903.348.194</b>	<b>160.442.729.164</b>
Tiền gửi VND	23.609.109.698	160.442.729.164
Tiền gửi ngoại tệ	294.238.496	
<b>Các khoản tương đương tiền</b>		
Tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng		<b>23.600.000.000</b>
Tiền gửi VND		
Ngân hàng NN huyện Lấp Vò		21.000.000.000
Ngân hàng TPCP Sài Gòn - CN AG		2.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>30.456.966.239</u></b>	<b><u>172.641.169.795</u></b>

### 4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu về cổ phần hoá		
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		
- Phải thu người lao động		
- Phải thu về Bảo hiểm y tế		
- Phải thu khác	18.330.711.649	12.212.794.309
<b>Cộng</b>	<b><u>18.330.711.649</u></b>	<b><u>12.212.794.309</u></b>

### 5. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi đường		
- Nguyên liệu, vật liệu	3.351.084.150	583.000.000
- Công cụ, dụng cụ	20.281.208	20.281.208
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	43.006.232.539	25.020.249.848
- Hàng hóa bất động sản	227.005.848.101	94.094.704.387
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b><u>273.383.445.998</u></b>	<b><u>119.718.235.443</u></b>

### 6. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	251.151.755	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	562.521.861	
<b>Cộng</b>	<b><u>813.673.616</u></b>	

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2008

**7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>27.840.399.412</b>	<b>318.181.339</b>	<b>1.127.129.758</b>	<b>1.273.721.006</b>	<b>30.559.431.515</b>
<b>2. Số tăng trong năm</b>	<b>315.612.888</b>	<b>49.523.810</b>	<b>1.770.198.935</b>	<b>1.031.874.979</b>	<b>3.167.210.612</b>
- Mua sắm mới		49.523.810	1.697.390.364,00	1.031.874.979	2.778.789.153
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	240.777.888				240.777.888
- Tăng khác	74.835.000		72.808.571,00		147.643.571
<b>3. Số giảm trong năm</b>			<b>596.538.849</b>	<b>603.568.736</b>	<b>1.200.107.585</b>
- Chuyển sang công cụ, dụng cụ				480.592.427	480.592.427
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán			596.538.849	122.976.309	719.515.158
- Giảm khác					
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>28.156.012.300</b>	<b>367.705.149</b>	<b>2.300.789.844</b>	<b>1.702.027.249</b>	<b>32.526.534.542</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>1. Số dư đầu năm</b>		<b>105.960.857</b>	<b>611.291.900</b>	<b>449.551.185</b>	<b>1.166.803.942</b>
<b>2. Số tăng trong năm</b>	<b>16.051.859</b>	<b>68.215.631</b>	<b>314.658.660</b>	<b>271.602.872</b>	<b>670.529.022</b>
- Khấu hao trong năm	16.051.859	68.215.631	314.658.660	271.602.872	670.529.022
- Tăng khác					
<b>3. Số giảm trong năm</b>			<b>337.896.927</b>	<b>144.421.397</b>	<b>482.318.324</b>
- Chuyển sang công cụ, dụng cụ				21.445.088	21.445.088
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán			311.458.439	122.976.309	434.434.748
- Giảm khác			26.438.488		26.438.488
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>16.051.859</b>	<b>174.176.488</b>	<b>588.053.633</b>	<b>576.732.660</b>	<b>1.355.014.640</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	27.840.399.412	212.220.482	515.837.858	824.169.821	29.392.627.573
Tại ngày cuối năm	28.139.960.441	193.528.661	1.712.736.211	1.125.294.589	31.171.519.902

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2008

**8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	<b>54.075.625.419</b>				<b>54.075.625.419</b>
Số tăng trong năm	<b>9.238.939.394</b>				<b>9.238.939.394</b>
- Mua trong năm	9.238.939.394				9.238.939.394
- Tạo ra từ nội bộ DN					
- Tăng do hợp nhất KD					
- Tăng khác					
Số giảm trong năm	<b>47.177.528.000</b>				<b>47.177.528.000</b>
- Chuyển sang BĐSĐT	47.177.528.000				
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	<b>16.137.036.813</b>				<b>16.137.036.813</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm					
Số tăng trong năm					
- Khấu hao trong năm					
- Tăng khác					
Số giảm trong năm					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm					
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	<b>54.075.625.419</b>				<b>54.075.625.419</b>
Tại ngày cuối năm	<b>16.137.036.813</b>				<b>16.137.036.813</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2008

Đơn vị tính: VND

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>- Tổng số chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>41.990.987.543</b>	<b>20.197.974.710</b>
+ Khu chung cư Hàn Quốc	32.200.000	32.200.000
+ Khu dân cư Bình Khánh 3-Đường giải thoát giao thông	943.771.833	689.405.000
+ Khu dân cư Bình Khánh 5	2.978.491.451	1.579.006.899
+ Khu dân cư Bình Khánh 3	13.524.967.081	4.731.250.425
+ Khu dân cư Phường 7 - Thị xã Bến Tre	3.118.992.223	7.623.401.061
+ Khu dân cư Chợ Vàm - Huyện Phú Tân	71.200.000	35.550.000
+ Khu cư xá Ngân Hàng Cao Lãnh		3.037.380
+ Khu dân cư Thị trấn Tri Tôn	10.836.792.590	4.372.122.403
+ Khu dân cư Xuân Biên - Tịnh Biên	6.601.072.538	1.132.001.542
+ Khu chung cư cao cấp huyện Nhà Bè Tp.HCM	53.096.416	
+ Khu dân cư đường tỉnh 942- Chợ Mới	236.219.000	
+ Khu dân cư ấp Thị- Thị Trấn Chợ Mới	1.841.500	
+ Khu dân cư Cái Dầu- Châu Phú	3.061.247.882	
+ Khu dân cư Hội An - Huyện Chợ Mới	134.093.740	
+ Khu đô thị P.10 Tp.Mỹ Tho, Tiền Giang	394.354.689	
+ Khu dân cư Phú Hòa huyện Thoại Sơn	2.646.600	
+ Công trình nhà máy tinh bột	45.901.339.307	
<b>Cộng</b>	<b>87.892.326.850</b>	<b>20.197.974.710</b>

**10. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>I. Nguyên giá</b>	<b>25.349.714.479</b>	<b>47.286.545.098</b>	<b>10.003.545.098,00</b>	<b>62.632.714.479</b>
- Quyền sử dụng đất		47.286.545.098	10.003.545.098	37.283.000.000
- Nhà	25.349.714.479			25.349.714.479
- Điều chỉnh do XĐGTDN				
- TSCĐ chuyển sang BĐS				
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>5.129.652.965</b>	<b>1.915.853.352</b>		<b>7.045.506.317</b>
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà	5.129.652.965	1.915.853.352		7.045.506.317
- Điều chỉnh do XĐGTDN				
- TSCĐ chuyển sang BĐS				
<b>III. Giá trị còn lại</b>	<b>20.220.061.514</b>	<b>47.286.545.098</b>	<b>10.003.545.098</b>	<b>55.587.208.162</b>
- Quyền sử dụng đất		47.286.545.098	10.003.545.098	37.283.000.000
- Nhà	20.220.061.514			18.304.208.162
- Điều chỉnh do XĐGTDN				
- TSCĐ chuyển sang BĐS				

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2008

Đơn vị tính: VND

### 11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>11.1 Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>130.618.749.088</b>	<b>27.566.230.781</b>
Trong đó:		
- Giá trị đầu tư vào công ty liên kết ghi nhận tại Công ty (*)	120.569.890.000	27.098.887.146
- Phần lãi trong công ty liên kết thuộc về Công ty	10.048.859.088	467.343.635
<b>11.2 Đầu tư vào công ty liên doanh</b>		
<b>Cộng (11.1)+(11.2)</b>	<b>130.618.749.088</b>	<b>27.566.230.781</b>

(\*) Thông tin về công ty liên kết ngày 31/12/2008 như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Giá trị khoản đầu tư</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia (I.D.I)	120.569.890.000	35,75%
<b>Tổng Cộng</b>	<b>120.569.890.000</b>	

### 12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công cụ dụng cụ	224.813.442	
- Chi phí chờ phân bổ		2.083.342.097
- Bàn ghế, tủ hồ sơ - Phòng đầu tư		3.100.000
- Đặng Văn Thảo - Cho thuê mb QC Bến Tre (HĐ số 03/2006)		3.500.000
- Hồ Thị Phượng - Cho thuê mb QC Bến Tre (HĐ số 01/2006)		3.500.000
- Nguyễn Phú Hải - Cho thuê mb QC B.Tre (HĐ số 04/2006)		3.500.000
- Nguyễn Thị Phụng - Cho thuê mb QC B.Tre (HĐ số 02/2006)		3.500.000
<b>Cộng</b>	<b>224.813.442</b>	<b>2.100.442.097</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2008

Đơn vị tính: VND

### 13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay ngắn hạn	124.623.500.000	
+ Vay ngân hàng	109.886.800.000	
+ Vay đối tượng khác	14.736.700.000	
- Nợ dài hạn đến hạn trả		
<b>Cộng</b>	<b><u>124.623.500.000</u></b>	

### 14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng		2.324.693.788
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất, nhập khẩu		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.108.202	5.828.156.251
- Thuế thu nhập cá nhân	181.074.792	
- Thuế tài nguyên		
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất		
- Các loại thuế khác (*)	64.414.250.000	22.369.800.000
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
<b>Cộng</b>	<b><u>64.597.432.994</u></b>	<b><u>30.522.650.039</u></b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

### 15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trích trước phí kiểm toán các năm		
- Trích trước CP Cụm CN Vàm Cống	4.376.276.827	24.756.266.720
- Trích trước CP Khu DC Vàm Cống	902.315.779	3.325.271.233
- Trích trước CP Nhà máy IDI		2.483.997.952
- Trích trước CPXD - Khu du lịch Hòn Trẹm	100.786.490	100.786.490
- Trích trước CPXD - Đường làng Bình Thạnh		
- Trích trước CPXD - Kho lưu trữ KB Hà Tiên	193.446.558	321.446.558
- Trích trước xây dựng văn phòng KDC Phú Hòa	33.719.571	
- Chi phí khác		
<b>Cộng</b>	<b><u>5.606.545.225</u></b>	<b><u>30.987.768.953</u></b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2008

Đơn vị tính: VND

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thừa chờ xử lý		
- Kinh phí công đoàn		22.161.101
- Bảo hiểm xã hội		97.237.759
- Bảo hiểm y tế	17.074.188	10.997.088
- Phải trả về cổ phần hóa		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
- Doanh thu chưa thực hiện	1.575.145.453	794.489.773
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	51.581.555.408	52.562.602.539
+ Khách hàng góp vốn mua nền	51.581.555.408	
<b>Cộng</b>	<b><u>53.173.775.049</u></b>	<b><u>53.487.488.260</u></b>

**17. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn	181.549.720.000	170.117.922.400
- Vay ngân hàng	181.089.720.000	164.984.800.000
- Vay đối tượng khác	460.000.000	5.133.122.400
Nợ dài hạn		
- Thuế tài chính		
- Nợ dài hạn khác		
+ Nhận ký quỹ dài hạn		
<b>Cộng</b>	<b><u>181.549.720.000</u></b>	<b><u>170.117.922.400</u></b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2008

### 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>32.820.000.000</b>				<b>20.857.989.678</b>		<b>1.350.000</b>
Tăng vốn trong năm trước	16.743.000.000	141.588.960.000					
Lãi trong năm trước					42.343.446.796		
Trích quỹ lập các quỹ từ lợi nhuận							
Giảm vốn trong năm trước							
Lỗ trong năm trước							
Chia lãi cho đối tác liên doanh(*)					(7.462.719.162)		
Giảm khác					(11.216.200)		(1.350.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>49.563.000.000</b>	<b>141.588.960.000</b>			<b>55.727.501.112</b>		
Tăng vốn trong năm							
Lợi nhuận trong năm					22.278.892.425		
Tăng khác					108.399.917		
Giảm vốn trong năm							
Lỗ trong năm							
Trích quỹ lập các quỹ từ lợi nhuận					(6.286.631.898)	2.095.543.966	2.095.543.966
Chia cổ tức					(24.781.500.000)		
Giảm khác					(343.996.168)		
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>49.563.000.000</b>	<b>141.588.960.000</b>			<b>46.702.665.388</b>	<b>2.095.543.966</b>	<b>2.095.543.966</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

**18. b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Cuối năm</u>	%	<u>Đầu năm</u>	%
<b>Vốn góp của Nhà nước</b>		<b>0,00%</b>		<b>0,00%</b>
<b>Vốn góp của các đối tượng khác</b>	<b>49.563.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>49.563.000.000</b>	<b>100,00%</b>
Trong đó:				
- Do pháp nhân nắm giữ	11.848.000.000	24%	11.448.000.000	23%
- Do thể nhân nắm giữ	37.715.000.000	76%	38.115.000.000	77%
<b>Cộng</b>	<b>49.563.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>49.563.000.000</b>	<b>100%</b>

**18. c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+Vốn góp đầu năm	49.563.000.000	32.820.000.000
+Vốn góp tăng trong năm		16.743.000.000
+Vốn góp giảm trong năm		
+Vốn góp cuối năm	49.563.000.000	49.563.000.000
-Cổ tức, lợi nhuận đã chia	22.922.700.000	

**18. d) Cổ phiếu**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành trong năm		1.718.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng trong năm		1.674.300
- Cổ phiếu phổ thông		1.674.300
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối năm	4.956.300	4.956.300
- Cổ phiếu phổ thông	4.956.300	4.956.300
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/CP

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

### 19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Doanh thu bán hàng	228.396.251.807	142.409.389.208
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.428.688.555	2.545.651.601
Doanh thu hợp đồng xây dựng	45.822.031.745	58.369.265.632
- Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ	45.822.031.745	58.369.265.632
- Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính		
<b>Cộng</b>	<b>280.646.972.107</b>	<b>203.324.306.441</b>

### 20. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Chiết khấu thương mại		
Giảm giá hàng bán		
Hàng bán bị trả lại		
Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)		
Thuế tiêu thụ đặc biệt		
Thuế xuất khẩu		
<b>Cộng</b>		

### 21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hóa	228.396.251.807	142.409.389.208
Doanh thu thuần dịch vụ	6.428.688.555	2.545.651.601
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	45.822.031.745	58.369.265.632
<b>Cộng</b>	<b>280.646.972.107</b>	<b>203.324.306.441</b>

### 22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	198.595.861.869	91.346.204.805
Giá vốn của thành phẩm		
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.111.378.959	
Giá vốn hợp đồng xây dựng	36.421.333.969	44.677.977.128
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư		
Hao hụt, mất mát hàng tồn kho		
Các khoản chi phí vượt mức bình thường		
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
<b>Cộng</b>	<b>239.128.574.797</b>	<b>136.024.181.933</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

### 23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.001.503.422	213.039.032
- Cổ tức lợi nhuận được chia		
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.340.739.124	
- Lãi bán hàng trả chậm		
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		
<b>Cộng</b>	<b><u>7.342.242.546</u></b>	<b><u>213.039.032</u></b>

### 24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
- Chi phí lãi vay	10.911.059.050	5.282.634.740
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	17.421.263	
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
- Lỗ do bán ngoại tệ		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.048.669.207	
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		
- Chi phí tài chính khác	66.746.996	
<b>Cộng</b>	<b><u>13.043.896.516</u></b>	<b><u>5.282.634.740</u></b>

### 25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	3.021.158.244	11.371.252.121
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
<b>Cộng</b>	<b><u>3.021.158.244</u></b>	<b><u>11.371.252.121</u></b>

### 26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	22.278.892.425	42.343.446.796
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.956.300	3.327.871
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	4.495	12.724

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

### 27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	77.296.379.057	80.052.889.097
Chi phí nhân công	1.959.485.666	812.659.676
Chi phí máy thi công	654.477.163	3.613.389.873
Chi phí khấu hao tài sản cố định	647.858.318	10.035.120.264
Chi phí dịch vụ mua ngoài	699.713.534	11.646.484.343
Chi phí khác bằng tiền		
<b>Cộng</b>	<b><u>81.257.913.738</u></b>	<b><u>106.160.543.253</u></b>

### 28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Người lập biểu



Ngô Thị Tố Ngân

Kế toán trưởng



Lê Thị Phượng

Long Xuyên, ngày 15 tháng 09 năm 2009



Tổng Giám Đốc  
Lê Thanh Thuận